TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 05–9–2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, Bà Lý Thị Vinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ ngày 28-6-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-8-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30-8-2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị N, sinh năm 1999.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn N, sinh năm 1989.

Đều trú tại: Bản P, xã BP, huyện TC, tỉnh SL.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Lường Thị N trình bày:

Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, chị Lường Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lường Văn N.

Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N có 02 con chung là cháu Lường Thị HH, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014.

Chị Lường Thị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Thị HH và giao cháu Lường MH cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng*:* Không có.

Về nợ chung: Chị N cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai ngày 10/7/2023, bị đơn anh Lường Văn N trình bày:

Về tình cảm: Anh Lường Văn N và chị Lường Thị N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi nhau, chị N tự ý bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ. Anh N, chị N đã sống ly thân. Hiện tại anh Lường Văn N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, anh không nhất trí ly hôn với chị Lường Thị N.

Về con chung: Anh Lường Văn N và chị Lường Thị N có 02 con chung là cháu Lường Thị HH, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014. Hiện tại cháu Lường Thị HH đang ở với chị N, còn cháu Lường MH đang ở với anh N.

Nếu ly hôn, anh Lường Văn N nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N đề nghị chị Lường Thị N cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho cháu Lường Thị HH.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2023: Anh Lường Văn N nhất trí với ý kiến của chị Lường Thị N là anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lường MH và giao cháu Lường Thị HH cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do hiện tại anh N không có công việc ổn định, làm nông nghiệp, không cung cấp được tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án nên anh N đã thay đổi ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường MH và giao cháu Lường Thị HH cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh N cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Lường Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do không thể hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Lường Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Chị Lường Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến trong bản tự khai và có yêu cầu miễn án phí.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 01/8/2023: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Lường Văn N và chị Lường Thị N, chính quyền địa phương không nắm được. Hiện tại anh N, chị N đã sống ly thân. Anh N và chị N có 02 con chung là cháu Lường MH và cháu Lường Thị HH. Sau khi vợ chồng ly thân, cháu Lường MH ở với anh N, còn cháu Lường Thị HH đi theo chị N về nhà bố mẹ đẻ chị N sinh sống.

Ý kiến của cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014 (Biên bản ghi ý kiến ngày 11/8/2023): Cháu Lường MH có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn anh Lường Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lường Thị HH, sinh ngày 27/9/2016 cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014 cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lường Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lường Văn N có nơi thường trú tại Bản P, xã BP, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lường Thị N vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn anh Lường Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện TC, tỉnh SL, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng anh N, chị N chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N và chị N đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tình cảm vợ chồng không còn, chị N yêu cầu ly hôn anh Lường Văn N.

Anh Lường Văn N không nhất trí ly hôn với chị Lường Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn gia đình cho anh Lường Văn N và chị Lường Thị N nhưng chị N vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị N vẫn kiên quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị N và anh N không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị N không muốn hòa giải với anh N, anh chị đã

sống ly thân được một thời gian không ai quan tâm đến cuộc sống của ai dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lường Thị N ly hôn với anh Lường Văn N.

[3] Về con chung: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N có 02 con chung là cháu Lường Thị HH, sinh ngày 27/9/2016 và cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014.

Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lường Thị HH và giao cháu Lường MH cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh N nhất trí với ý kiến của chị Lường Thị N.

Ý kiến của cháu Lường MH có nguyện vọng muốn ở với anh Lường Văn N. Từ khi anh N và chị N sống ly thân đến nay, cháu Hạnh ở cùng chị N, còn cháu Hùng sống cùng anh N.

Xét thấy: Ý kiến của chị Lường Thị N và anh Lường Văn N đều thống nhất với nhau và phù hợp với nguyện vọng của cháu Lường MH. Chị N và anh N đều có nơi ở ổn định, có thu nhập. Trong thời gian chị N và anh N sống ly thân, anh chị đều đảm bảo sự phát triển tốt về thể chất và học hành cho mỗi cháu. Do đó, cần giao cháu Lường Thị HH cho chị Lường Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Lường MH cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị N, anh N cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lường Thị N là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị N. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228,

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lường Thị N được ly hôn anh Lường Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Thị HH, sinh ngày 27/9/2016 cho chị Lường Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con; giao cháu Lường MH, sinh ngày 01/12/2014 cho anh Lường Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lường Thị N và anh Lường Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị N, anh N cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lường Thị N. Hoàn trả chị Lường Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0003420, ngày 28 tháng 6 năm 2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lường Thị N, anh Lường Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã BP, huyện TC, tỉnh SL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Nghĩa